

Bản án số: 21/2020/HS-ST
Ngày 09-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Linh

Bà Hà Thị Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lưu Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Phạm Văn T**, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1989

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 12/12;

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Văn B, sinh năm 1968 (Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Phú Sơn 4, tỉnh Thái Nguyên) và bà Phương Thị L, sinh năm 1966; Vợ: Không; Con: Không;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam; Hiện nay đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 01/4/2020 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo **Trần Việt S**, sinh ngày 29 tháng 8 năm 1975

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 12/12;

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Dũng T, sinh năm 1936 (Đã chết) và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1937; Vợ: Lý Thị L, sinh năm 1989; Con: có 01 (Một) con sinh năm 2017;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam; Hiện nay đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 01/4/2020 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phương Thị L, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

- Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1937; Nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:*

- Ông Trần Văn C, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do);

- Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa);

- Ông Triệu Hoài N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do);

- Ông Triệu Quốc V, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do);

- Ông Dương Việt L1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 11 giờ 40 phút ngày 01/4/2020 tổ công tác Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ tuần tra tại khu vực Đồi Liệt sỹ thuộc tổ dân phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng phát hiện Trần Văn C và Hoàng Văn Q có biểu hiện nghi vấn vi phạm pháp luật. Tổ công tác tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện trong túi bên phải áo khoác của Q đang mặc có 01 (Một) gói giấy bạc màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng nghi heroine; Kiểm tra trên người C không phát hiện thu giữ đồ vật tài liệu gì. Qua khai thác nhanh Q khai nhận: Số chất bột màu trắng bên trong gói giấy bạc màu trắng là ma túy Q vừa mua với Phạm Văn T, Q mua 01 (Một) gói nhỏ với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), mục đích mua về sử dụng. Sau khi mua ma túy với T, Q và C rủ nhau lên Đồi Liệt sỹ sử dụng một phần, phần còn lại Q cất vào túi áo

khoác đang mặc thì bị Công an phát hiện và bắt quả tang. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào lời khai của Hoàng Văn Q, cùng ngày cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn T tại tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Trước khi tiến hành khám xét Tuân tự nguyện giao nộp:

- 02 (Hai) gói nilong màu trắng, trong đó: 01 (Một) gói nilong màu trắng bên trong có 05 (Năm) gói giấy bạc chứa các hạt chất bột nhỏ li ti màu trắng không đếm được nghi là heroine; 01 (Một) gói nilong màu trắng bên trong có 02 (Hai) gói giấy bạc, trong đó: gói thứ nhất chứa 01 (Một) cục chất bột màu trắng nghi là heroine; gói thứ hai chứa các hạt chất bột nhỏ li ti màu trắng không đếm được nghi là heroine.

- 02 (Hai) xi lanh, trong đó: 01 (Một) xi lanh chứa các hạt chất bột nhỏ li ti màu trắng không đếm được nghi là heroine; 01 (Một) xi lanh chứa chất bột màu trắng nghi là heroine.

Tiến hành khám xét, phát hiện và tạm giữ những tài sản sau: Số tiền 490.000 đồng (Bốn trăm chín mươi nghìn đồng) trong túi quần bên trái của T đang mặc; 01 (Một) điện thoại di động bàn phím màu xanh nhãn hiệu Nokia có số Imeil: 353418049605642, điện thoại đã qua sử dụng; 02 (Hai) gói nilong màu trắng, bên trong có 02 (Hai) gói giấy bạc chứa 02 (Hai) cục chất bột màu trắng nghi là heroine trong hộp nhựa trên bàn trong phòng ngủ; Số tiền 3.270.000 đồng (Ba triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) trên máy tính trong phòng ngủ; 01 (Một) ví da màu đen kẹp số tiền 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) trên giường trong phòng ngủ; Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) bên trong 01 (Một) miếng vải màu nâu trên giường trong phòng ngủ của T.

T khai nhận số chất bột màu trắng T tự giác giao nộp và qua khám xét là heroine của T, T mua về sử dụng và bán lại cho các con nghiện khác để kiếm lời. Ngày 31/3/2020 T được mua ma túy với Trần Việt S với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Căn cứ vào lời khai của Phạm Văn T, cùng ngày Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Việt S tại tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Trước khi tiến hành khám xét S tự giác giao nộp: 01 (Một) gói nhỏ bọc giấy màu vàng bên trong có chứa 02 (Hai) cục chất bột màu trắng nghi là heroine. Cơ quan điều tra khám xét phát hiện và tạm giữ: 01 (Một) điện thoại di động màu xanh - đen nhãn hiệu OPPO có số Imeil: 860163040952157, Imeil2: 860163040952140, đã qua sử dụng và số tiền 1.560.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) trong túi quần phía sau bên phải S đang mặc. Ngoài ra không phát hiện đồ vật, tài liệu gì. Qua khai thác nhanh, S khai nhận số ma túy S tự nguyện giao nộp là heroine, S mua về để sử dụng cho bản thân.

Ngày 01/4/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tiến hành mở niêm phong và cân xác định khối lượng tang vật, qua cân điện tử số tang vật thu giữ của Hoàng Văn Q có khối lượng là 0,04g (Không phải không bốn gam); Số tang vật T tự giao nộp và thu giữ qua khám xét chỗ ở của Phạm Văn T có khối lượng 7,44g (Bảy phẩy bốn bốn gam); Số tang vật thu giữ của Trần Việt S có khối lượng 0,69g (Không phẩy sáu chín gam). Tại kết luận giám định số: 105/GĐMT ngày 13/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: 04 (Bốn) mẫu chất bột màu trắng bên trong 04 (Bốn) phong bì niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại heroine.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Phạm Văn T khai nhận: Bản thân T sử dụng và lệ thuộc vào ma túy từ năm 2009 để có ma túy sử dụng và bán kiếm lời xoay vòng cho các lần tiếp theo T được mua ma túy với nhiều người, không nhớ cụ thể. Nguồn gốc số ma túy T tự giác giao nộp và qua khám xét thu giữ ngày 01/4/2020 là do T mua với Trần Việt S, cụ thể: Vào khoảng 17 giờ ngày 31/3/2020 T dùng điện thoại của mình có số 0356.927.689 gọi điện đến số 0365.301.072 của S hỏi là "chú có lấy được không" (ý là: lấy được ma túy không), S trả lời "khi nào lấy được thì chú gọi cho", đến khoảng 19 giờ cùng ngày S gọi điện lại cho T nói "đi vào đường miếu" sau đó S đến địa điểm hẹn. T đi bộ đến thì thấy một mình S, S đưa cho T 01 (Một) gói nhỏ ma túy, T đưa cho S số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) gồm các tờ mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), khi trao đổi mua bán chỉ có T và S biết. Mục đích T mua ma túy để sử dụng và bán kiếm lời. Vào cuối tháng 3/2020 đến khi bị bắt quả tang, T được bán ma túy cho nhiều người nhưng không nhớ từng lần và từng người cụ thể, chỉ nhớ được bán ma túy những lần gần nhất cho những người như sau:

- Ngày 27/3/2020, T bán cho Trần Văn C, trú tại: tổ dân phố 3, thị trấn B 01 (Một) lần 01 (Một) gói với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Địa điểm mua bán là ở gần tiệm vàng cạnh nhà của T. Hình thức mua bán là C gọi điện thoại cho T sau đó gặp nhau trực tiếp, mua bán trao tay.

- Cùng ngày 27/3/2020 T bán cho Dương Việt L, trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn B 01 (Một) lần 01 (Một) gói với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Địa điểm mua bán tại đường vào miếu gần nhà ở của T. Hình thức mua bán là L nhắn tin đến số điện thoại của T hỏi mua ma túy, sau đó gặp nhau trực tiếp, mua bán trao tay.

- Ngày 01/4/2020 T bán cho Triệu Hoài N, trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn B 01 (Một) lần 01 (Một) gói với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Địa điểm mua bán là ở gần tiệm vàng cạnh nhà của T. Hình thức mua bán là N gọi điện cho T hỏi mua ma túy, sau đó gặp nhau trực tiếp, mua bán trao tay.

- Ngày 01/4/2020 T bán cho Triệu Quốc V, trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn B 01 (Một) lần 01 (Một) gói với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Địa điểm mua bán tại đường vào miếu gần nhà ở của T. Hình thức mua bán là V gọi điện thoại hỏi mua ma túy, sau đó gặp nhau trực tiếp, mua bán trao tay.

- Cùng ngày 01/4/2020 T bán cho Hoàng Văn Q, trú tại: xã H, huyện B 01 (Một) lần cụ thể: C gọi điện cho T nói là có Q hỏi mua heroine, T đồng ý rồi ra gần tiệm vàng gặp Q. Tại đây T chỉ gặp Q, không gặp C, T bán cho Q 01 (Một) gói với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), khi trao đổi mua bán chỉ có T và Q biết.

- Bán cho Trần Việt S nhiều lần nhưng chỉ nhớ 02 (Hai) lần gần nhất (không nhớ thời gian cụ thể) trong đó: Lần thứ nhất bán heroine cho S tại nhà của Nông Văn M; Lần thứ hai bán heroine cho S tại nhà của Vũ Văn T (cùng tại Tổ dân phố 3, thị trấn Bảo Lạc) mỗi lần bán 01 (Một) gói heroine với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Hình thức là S gọi điện hỏi mua ma túy, sau đó gặp nhau trực tiếp, mua bán trao tay. Cả hai lần trao đổi mua bán chỉ có T và S biết.

Nguồn gốc số ma túy T có để sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện khác kiếm lời là do T mua với Sỹ và một người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, chỉ biết qua các đối tượng nghiện khác giới thiệu, địa điểm mua bán tại khu vực đường vào M gần nhà T, khi trao đổi mua bán chỉ có T và ông này biết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Việt S khai nhận: S sử dụng và lệ thuộc vào ma túy từ năm 1998, để có ma túy sử dụng S thường nhờ các con nghiện mua hộ và trực tiếp đi mua heroine với T sinh năm 1989, trú tại tổ dân phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng nhiều lần, nhưng S chỉ nhớ được trước đó (không nhớ thời gian cụ thể) S được mua heroine với T (không nhớ số lượng và giá tiền) tại phòng trọ của Nông Văn M và tại nhà của Vũ Văn T. Hình thức mua bán là S gọi điện cho T rồi sau đó gặp nhau trao tay trực tiếp, khi mua bán chỉ có S và T biết. Lần gần nhất vào khoảng 19 giờ ngày 31/3/2020 S gọi điện từ số của S là 0365.301.072 đến số điện thoại của T là 0356.927.689 để hỏi mua heroine, S hỏi "T, cháu có ma túy không? Để cho chú 1.500.000 đồng" thì T trả lời là "có", điểm hẹn là ngõ vào Miếu gần nhà của T. Khi S đến địa điểm thì chưa thấy T, S gọi là cho T và bảo "chú đến rồi" T trả lời "cháu ra bây giờ" khoảng 10 phút sau thì T đem heroine ra 01 (Một) gói heroine đưa cho S, S đưa cho T số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Khi mua bán chỉ có T và S biết. Sau khi mua xong S đem về trích ra một phần sử dụng, số còn lại S gói lại bằng giấy bạc màu vàng cất để trên nóc ti vi trong buồng ngủ của S. Ngày 01/4/2020, khi cơ quan điều tra tiến hành khám xét, S đã tự giác giao nộp. Mục đích S mua heroine để bản thân sử dụng, không nhằm mục đích mua bán kiếm lời.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bà Phương Thị L trình bày: Bà là mẹ của bị cáo Phạm Văn T. Bà biết T sử dụng, lệ thuộc ma túy từ lâu và đã cho đi cai ở Hà Nội nhưng khi quay về lại tái nghiện. Việc T mua bán ma túy với ai, ở đâu bà không biết. Số tiền cơ quan Công an thu giữ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tại giường của T là tiền của bà đưa cho T đi cai nghiện nhưng do dịch Covid bị hạn chế đi lại nên chưa đi cai nghiện được. Hiện tại bà đã được trả lại số tiền. Tại phiên tòa bà mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho T

và không có yêu cầu gì thêm.

Tại cơ quan điều tra bà Đoàn Thị T trình bày: Bà là mẹ của bị cáo Trần Việt S. Bà biết việc S sử dụng chất ma túy, bà và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng S vẫn lệ thuộc vào ma túy. Chiều ngày 31/3/2020 bà có đưa cho S 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) vì S xin tiền bà để mua sữa cho con và chi tiêu cá nhân. Số tiền 1.560.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) cơ quan Công an khám xét thu giữ trên người của S là số tiền còn lại S đã xin bà vào chiều 31/3/2020. Bà yêu cầu được trả lại số tiền này và mong cơ quan chức năng xem xét để con trai bà được hưởng khoan hồng sớm trở về với gia đình và xã hội.

Tại cơ quan điều tra ông Trần Văn C trình bày: Ông là người lệ thuộc vào chất ma túy, loại heroin, hình thức chích trực tiếp vào cơ thể. Bản thân được mua ma túy với T nhiều lần, nhưng lần gần nhất là ngày 27/3/2020 ông mua 01 (Một) gói nhỏ số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), địa điểm mua tại khu vực tiệm vàng gần phía sau nhà ở của T, hình thức mua là gọi điện thoại trước sau đó gặp trực tiếp trao tay.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ông Hoàng Văn Q trình bày: Ông là người sử dụng và lệ thuộc vào chất ma túy. Ngày 01/4/2020, Cương gọi điện cho T để hỏi mua ma túy giúp ông, một mình ông trực tiếp mua ma túy với T 01 (Một) gói nhỏ với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) rồi cùng C lên khu vực Đài Liệt sỹ thuộc tổ dân phố 2, thị trấn B sử dụng thì bị bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra ông Triệu Hoài N trình bày: Bản thân được mua ma túy với T nhiều lần, nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể, lần gần nhất là ngày 01/4/2020 ông mua 01 (Một) gói nhỏ số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), địa điểm mua tại khu vực đường vào Miếu sau nhà ở của T.

Tại cơ quan điều tra ông Triệu Quốc V trình bày: Bản thân trước đây lệ thuộc vào ma túy, loại heroin, hình thức chích trực tiếp. Gần đây ông có dùng thuốc Methadon để cắt cơn nghiện nhưng thỉnh thoảng vẫn mua ma túy về sử dụng khi có nhu cầu. Ông được mua ma túy với T nhiều lần, lần gần nhất là ngày 01/4/2020 mua 01 (Một) gói nhỏ số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), địa điểm mua tại khu vực đường vào Miếu sau nhà ở của T.

Tại cơ quan điều tra ông Dương Việt L1 trình bày: Bản thân được mua ma túy với T nhiều lần nhưng không nhớ rõ về thời gian cụ thể, lần gần nhất là ngày 27/3/2020 ông mua 01 (Một) gói nhỏ số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), địa điểm mua tại khu vực đường vào Miếu sau nhà ở của T.

Đối với người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết họ tên, địa chỉ cụ thể bán heroine cho T. Do không biết họ tên và địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, điều tra, làm rõ.

Đối với đối tượng Hoàng Văn Q bị Công an huyện Bảo Lạc bắt quả tang có khối lượng 0,04g (Không phải không bốn gam). Hành vi và khối lượng ma túy chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Q về hành

vì sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, hình thức phạt tiền với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Đối với các đối tượng Dương Việt L1, Triệu Hoài N, Triệu Quốc V, Trần Văn C là các đối tượng mua ma túy với Phạm Văn T về sử dụng, Công an huyện B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền mỗi đối tượng 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKSBL ngày 02/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, c, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; Tại phiên tòa Kiểm sát viên rút một phần truy tố đối với bị cáo T, rút truy tố điểm c. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, xử phạt bị cáo từ 08 (Tám) đến 09 (Chín) năm tù.

Tại bản cáo trạng đã truy tố bị cáo Trần Việt S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Việt S theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Trần Việt S phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đề nghị khung hình phạt đối với bị cáo từ 15 (Mười năm) đến 18 (Mười tám) tháng tù.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (Ba) phong bì, trong đó:

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại vật chứng Phạm Văn Tuấn, SN: 1989 tự giao nộp trước Cơ quan Công an tiến hành khám xét nơi ở, xảy ra ngày 01/4/2020, mặt sau phong bì có chữ ký của Phạm Văn T và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì;

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại vật chứng thu giữ qua khám xét phòng ngủ của Phạm Văn T, SN: 1989 xảy ra ngày 01/4/2020, mặt sau phong bì có chữ ký của Phạm Văn T và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì;

+ 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại vật chứng Trần Việt S, SN: 1975, trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng, xảy ra ngày 01/4/2020, mặt sau phong bì có chữ ký của Trần Việt S và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động bàn phím màu xanh, nhãn hiệu Nokia, có số Seri: 353418049605642, có gắn thẻ sim số 0356927689, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn Tuấn. 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng màu xanh đen, mặt sau có chữ Oppo, có số IMEI1:

860163040952157, số EMEIL2: 860163040952140, có lắp sim số: 0365301072, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Trần Việt S.

- Trả lại cho bị cáo T: 01 ví da màu đen.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền: 18.260.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam của Phạm Văn T.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam của Trần Việt S.

- Trả lại cho bị cáo S số tiền 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng).

* Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSBL ngày 02/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Phạm Văn T theo quy định tại điểm b, c, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên rút một phần truy tố đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ, trong một lần phạm tội bị cáo không bán ma túy đồng thời đối với từ hai người trở lên, bị cáo chỉ bán ma túy cho từng đối tượng. Nên Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự về hành vi "Đối với 02 người trở lên" là không có căn cứ.

Căn cứ vào Điều 319, Điều 325 Bộ luật Tố tụng hình sự, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy việc rút truy tố là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[3] Các bị cáo Phạm Văn T và Trần Việt S thừa nhận bản Cáo trạng của

Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi liên quan, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy các bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo T bán ma túy cho Trần Văn C 01 (Một) lần 01 (Một) gói với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); Dương Việt L1 01 (Một) lần 01 (Một) gói với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); Triệu Hoài N, Triệu Quốc V mỗi người 01 (Một) gói với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); Hoàng Văn Q 01 (Một) lần với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); Bán cho Trần Việt S 02 (Hai) lần, mỗi lần 01 (Một) gói với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); Số ma túy thu giữ của T là 7,44g (Bảy phẩy bốn bốn gam), số ma túy thu giữ của Hoàng Văn Q mua với T là 0,04g (Không phẩy không bốn gam) nên T phải chịu hình phạt với tổng số ma túy là 7,48g (Bảy phẩy bốn mươi tám gam). Số ma túy thu giữ của Trần Việt S là 0,69g (Không phẩy sáu chín gam). Hành vi của các bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T khai nhận được mua ma túy với bị cáo S. Bị cáo S không thừa nhận việc bán ma túy cho bị cáo T. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất đối với hai bị cáo, ngoài lời khai của bị cáo T không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh bị cáo S bán ma túy cho bị cáo T nên không có căn cứ để truy tố, xét xử đối với bị cáo S về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 quy định:

"1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

b, Phạm tội 02 lần trở lên;

i, Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;"

Như vậy hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam"

Như vậy hành vi của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Truy tố đối với bị cáo Trần Việt S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân; Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Phạm Văn T, Trần Việt S sinh sống tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 12/12. Các bị cáo là người có nhận thức, có sức khỏe, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không tu dưỡng, rèn luyện đạo đức mà lại lệ thuộc vào ma túy. Khi thực hiện hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy các bị cáo biết là sai, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng không có.

Bị cáo Trần Việt S có bố và mẹ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, hạng ba trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Đối với yêu cầu của bà Đoàn Thị T: Bà T yêu cầu được trả lại số tiền thừa sau khi S mua ma túy.

Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt bà T trình bày: ngày 31/3/2020 bà có cho con trai là bị cáo Trần Việt S số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); Số tiền cơ quan Công an khám xét thu giữ trên người của S là số tiền còn lại S đã xin bà vào chiều 31/3/2020.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo S khai nhận: Số tiền cơ quan thu giữ có 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng) là do S rửa xe mà có; còn số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền của S xin mẹ là bà Đoàn Thị T, đối với số tiền này S có mục đích sử dụng vào việc mua ma túy.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T cho tiền bị cáo là giao dịch dân sự đã hoàn thành, mục đích của S sử dụng tiền để đi mua ma túy, nên yêu cầu của bà T là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[6] Đối với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) thu giữ trong phòng ngủ của bị cáo T, Trong quá trình điều tra đã làm rõ, số tiền này là của bà Phương Thị L, bà L đã nhận lại đủ số tiền này và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với vật chứng là: 03 (Ba) phong bì, trong đó: 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại vật chứng Phạm Văn T, SN: 1989 tự giao nộp trước Cơ quan Công an tiến hành khám xét nơi ở, xảy ra ngày 01/4/2020, mặt sau phong bì có chữ ký của Phạm Văn T và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì; 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại vật chứng thu giữ qua khám xét phòng ngủ của Phạm Văn T, SN: 1989 xảy ra ngày 01/4/2020, mặt sau phong bì có chữ ký của Phạm Văn T và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì; 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại vật chứng Trần Việt S, SN: 1975, trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, xảy ra ngày 01/4/2020, mặt sau phong bì có chữ ký của Trần Việt S và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì. Đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là: 01 (Một) điện thoại di động bàn phím màu xanh, nhãn hiệu Nokia, có số Seri: 353418049605642, có gắn thẻ sim số 0356927689, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn T. Đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.

- Đối với vật chứng là: 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng màu xanh đen, mặt sau có chữ Oppo, có số IMEIL1: 860163040952157, số EMEIL2: 860163040952140, có lắp sim số: 0365301072, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Trần Việt S. Đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.

- Đối với vật chứng là: 01 (Một) ví da màu đen thu giữ của Phạm Văn T, xét thấy vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền: 18.260.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) thu giữ của Phạm Văn T do T bán ma túy mà có nên tịch thu sung công quỹ nhà nước

- Đối với số tiền: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của Trần Việt S sử dụng vào mục đích mua ma túy nên tịch thu sung công quỹ nhà nước

- Đối với số tiền 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo S xét thấy vật chứng này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Trần Việt S phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Việt S 15 (Mười năm) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 01/4/2020.

2. Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T 08 (Tám) năm tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 01/4/2020

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 03 (ba) phong bì, trong đó: 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại vật chứng Phạm Văn T, SN: 1989 tự giao nộp trước Cơ quan Công an tiến hành khám xét nơi ở, xảy ra ngày 01/4/2020, mặt sau phong bì có chữ ký của Phạm Văn T và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì; 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại vật chứng thu giữ qua khám xét phòng ngủ của Phạm Văn T, SN: 1989 xảy ra ngày 01/4/2020, mặt sau phong bì có chữ ký của Phạm Văn T và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì; 01 (Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi phần để lại vật chứng Trần Việt S, SN: 1975, trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng, xảy ra ngày 01/4/2020, mặt sau phong bì có chữ ký của Trần Việt S và các thành phần tham gia niêm phong, có đóng dấu giáp lai ở 4 góc phong bì.

- Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động bàn phím màu xanh, nhãn hiệu Nokia, có số Seri: 353418049605642, có gắn thẻ sim số 0356927689, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn T và 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng màu xanh đen, mặt sau có chữ Oppo, có số IMEIL1: 860163040952157, số EMEIL2: 860163040952140, có lắp sim số: 0365301072, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Trần Việt S.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền: 18.260.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) thu giữ của Phạm Văn T và số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) thu giữ của Trần Việt S.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T: 01 (Một) ví da màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Trần Việt S số tiền 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ số vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 21 ngày 07/7/2020.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Các bị cáo Phạm Văn T và Trần Việt S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T. Các bị cáo và bà L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, VKSND huyện;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Nhà tạm giữ;
- UBND thị trấn B;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔ THỊ THÙY NGÂN